ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TỨ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÊ DUYỆT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO
Nhận Quà tặng nhân dịp Tết Nguyên đán 2026 theo Nghị quyết 05/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023 của HĐND thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của UBND phường Tứ Minh)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Tổ dân phố	Số tiền
I	**Hộ nghèo**			**28.800.000**
1	Nguyễn Thị Mưu	1943	Đỗ Xá	1.800.000
2	Phạm Thị Sở	1937	Cẩm Khê A	1.800.000
3	Đào Thị Rát	1927	Cẩm Khê A	1.800.000
4	Nguyễn Thị Lan	1959	Cẩm Khê B	1.800.000
5	Nguyễn Thị Nguyên	1962	Cẩm Khê B	1.800.000
6	Phạm Phú Tuấn	1983	Đìa	1.800.000
7	Phạm Thị Bao	1933	Đìa	1.800.000
8	Vũ Thị Hà	1948	Ngọ	1.800.000
9	Vũ Xuân Nho	1952	Ngọ	1.800.000
10	Vũ Thị Loan	1944	Kim Xá	1.800.000
11	Cao Thị Nhài	1960	Kim Xá	1.800.000
12	Vũ Thị Soạn	1952	Kim Xá	1.800.000
13	Vũ Văn Học	1948	Quảng Cư	1.800.000
14	Phùng Thị Thơ	1966	Ha Xá	1.800.000
15	Nguyễn Thị Thảnh	1960	Ha Xá	1.800.000
16	Mai Thị Muống	1960	Ha Xá	1.800.000
II	**Hộ cận nghèo**			**46.400.000**
1	Phạm Văn Mạnh	1991	Đỗ Xá	1.600.000
2	Nguyễn Thị Hằng	1985	Đồng Tranh	1.600.000
3	Phạm Thị Phi	1950	Lộ Cương A	1.600.000
4	Vũ Văn Đích	1965	Lộ Cương A	1.600.000
5	Phạm Thị Khéo	1980	Lộ Cương A	1.600.000
6	Bùi Thị Cúc	1987	Lộ Cương A	1.600.000
7	Phạm Thị Dân	1957	Lộ Cương B	1.600.000
8	Vũ Thị Thêu	1949	Lộ Cương B	1.600.000
9	Phạm Văn Phùng	1961	Lộ Cương B	1.600.000

STT	Họ và tên	Năm sinh	Tổ dân phố	Số tiền
10	Vũ Quang Minh	1984	Lộ Cương B	1.600.000
11	Phạm Văn Sê	1950	Lộ Cương B	1.600.000
12	Phạm Thị Thanh	1986	Lộ Cương B	1.600.000
13	Trần Thị Beng	1948	Cẩm Khê A	1.600.000
14	Trần Thị Ngừng	1978	Cẩm Khê A	1.600.000
15	Trần Thị Ánh	1960	Cẩm Khê B	1.600.000
16	Trần Văn Thế	1985	Cẩm Khê B	1.600.000
17	Vũ Văn Ngoan	1985	Xuân Dương	1.600.000
18	Nguyễn Văn Nhiễm	1941	Tứ Thông	1.600.000
19	Lê Văn Tùng	1990	Tứ Thông	1.600.000
20	Trần Thị Vĩ	1968	Tứ Thông	1.600.000
21	Nguyễn Văn Thu	1966	Đìa	1.600.000
22	Vũ Thị Là	1963	Đìa	1.600.000
23	Ngô Thị Thu	1962	Năm	1.600.000
24	Nguyễn Văn Huyên	1980	Năm	1.600.000
25	Vũ Thị Miền	1982	Năm	1.600.000
26	Ngô Thị Tím	1984	Ngọ	1.600.000
27	Vũ Thanh Mạnh	1989	Quảng Cư	1.600.000
28	Vũ Văn Lĩnh	1993	Ha Xá	1.600.000
29	Nguyễn Thị Liên	1992	Ha Xá	1.600.000
	Tổng cộng:			**75.200.000**

(Bằng chữ: Bảy mươi lăm triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn)